

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC4+RC6	7:25	5+10+7	0+0+0		4+7+5	0+0+0	
2		RP1+CTK3	7:25	17+2	0+0		15+4	0+0	puma
3		P6+BK19+VSP02	9:25	1+1+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		RP3	9:25	19	0		19	0	puma
5		P8+MRM+RC5	11:25	1+2+13	0+0+0		2+1+14	0+0+0	ec
6		VSP02+P4	11:25	22+0	0+0		10+12	0+0	
7		CIO+RP1+SAVR	11:25	2+9+6	0+0+0		0+9+10	0+0+0	ec
8		RCDM+RC8+RP3	13:25	4+6+12	0+0+0		2+4+15	0+0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày RCDM-1ng, 2 người P8 về đi RP2 sau



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RCDM - RC4 - RC6	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3365	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ CHI BẢO	RCDM	02	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	RCDM	01	1	7			68	DK9	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	04	1	11			88	KH-THAC	Vietnamese
4	TU TUÂN TU	RCDM	03	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG HUNG	RCDM	100	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH THI	RC4	95	1	10			106	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG DŨNG	RC4	935	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ THANH TU	RC4	33	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	39	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ HUY HOÀNG	RC4	36	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HUNG	RC4	31	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RC4	34	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO TRI	RC4	37-38	2	18			82	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RC4	35,02	2	14			61	T-TIN	Vietnamese
15	ĐO MINH THUẬN	RC4	32	1	8			80	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	78	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ DANH NGỌC	RC6	79-80	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUỐC VIỆT	RC6						75	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU TIẾN BÌNH	RC6	83-85	3	18			61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6						65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUÂN	RC6	81-82	2	20			71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THẢO	RC6	77	1	6			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	5	393	5	39	0	0	4		
2	RC4	10	756	12	94	0	0	7		
3	RC6	7	498	9	70	0	0	5		
TOTAL		22	1.647	26	203	0	0	16		
WEIGHT KG			1.647		203		0			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP1 - CTK3	CREW: NKHÁNH - VLINH	ETA: 09:10
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3369	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN TÙNG	RP1	77	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	RP1	89	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LỢI	RP1	71	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THANH TÙNG	RP1	74	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	80	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRI KHANH	RP1	87	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY NGỌC	RP1	85	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RP1	82	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	79	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN XUÂN THANH	RP1	81	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI QUANG HOAN	RP1	75-76	2	14			95	YTE	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THANH	RP1	86	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH MINH TRI	RP1	84	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
14	TẶNG THANH DAN	RP1	87	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THĂNG	RP1	70	1	13			92	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	88	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	83	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VŨ PHI CƯỜNG	CTK3	37-38	2	11	3	35	61	NAM TIEN	Vietnamese
19	DANG THANH HOANG	CTK3						75	SBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	17	1.198	18	120	0	0	15		
2	CTK3	2	136	2	11	3	35	4		
TOTAL		19	1.334	20	131	3	35	19		
WEIGHT KG			1.334		131		35			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P6 - BK19 - VSP02	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3366	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÀN	P6	92-93	2	16	2	35	50	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ANH MINH	BK19	89-91	3	22	1	10	77	T-TIN	Vietnamese
3	DUCHENKO A.L.	VSP02	05	1	5			135	KH-THAC	Russian
4	SERGIENKO S. E	VSP02	06	1	11			84	KH-THAC	Russian
5	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	18	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG TRUNG VIỆT	VSP02	14	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	12	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HAI	VSP02	03-04	2	16			98	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TẤN LINH	VSP02	39	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN KINH	VSP02						63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	13	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	VSP02	09-10	2	9	2	18	75	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	22	1	9	2	29	75	YTE	Vietnamese
14	TRẦN MINH CƯỜNG	VSP02	07-08	2	23			79	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	01-02	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY QUANG	VSP02						67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	15	1	5			53	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	11	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	20-21	2	7			56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	16-17	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
21	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	19	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	1	50	2	16	2	35	0		
2	BK19	1	77	3	22	1	10	0		
3	VSP02	19	1.401	23	135	4	47	22		
TOTAL		21	1.528	28	173	7	92	22		
WEIGHT KG			1.528		173		92			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3	CREW: NKHÁNH - VLINH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3371	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOAI THANH	RP3	95	1	5	5	75	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BAO TOÀN	RP3	92	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	49	1	4			51	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ TẤN CHÂU	RP3	01	1	11			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	02	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ VĂN NIN	RP3	99,700	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	97	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	RP3	29-31	3	17			77	KHI	Vietnamese
9	PHẠM MINH TOÀN	RP3	96-97	2	10			56	YTE	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC SƠN	RP3						77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	50	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUY HAI	RP3	43	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	26	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀ THANH QUANG	RP3	93	1	14	1	15	73	KH-THAC	Vietnamese
15	VÕ QUỐC THÔNG	RP3	32	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	27-28	2	19			57	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TẤN NGỒN	RP3	91	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO ĐỨC THANH	RP3	48	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	38	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	19	1.331	23	142	6	90	19		
TOTAL		19	1.331	23	142	6	90	19		
WEIGHT KG			1.331		142		90			

GRAND TOAL: 1.563 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRỊNH VINH LINH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 14:00
B.CARD: TIM-4	TO: P8 - MRM - RC5	CREW: MMINH - MẠNH	ETA: 16:00
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM25/3367		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LỘC	P8	53-54	2	20	1	15	58	T-TIN	Vietnamese
2	EREMEEV E.N	MRM	01	1	11			99	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN HAI LAM	MRM	02	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
4	CAO THANH HỢP	RC5	23	1	6	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	43	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	22	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KIM THẠCH	RC5	24-25	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN HẠNH	RC5	26	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG HOÀNG SƠN	RC5	17-18	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	RC5	42	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
11	VÕ TÁ HÙNG	RC5	21	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
12	CAO VĂN MẠNH	RC5	44-45	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THANH	RC5	40-41	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ BĂNG	RC5	46,600	2	14			56	XAYLAP	Vietnamese
15	KIỀU MINH QUYẾT	RC5	19	1	4			62	PSV	Vietnamese
16	PHAN VĂN CUONG	RC5	20	1	6			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	1	58	2	20	1	15	2		
2	MRM	2	164	2	21	0	0	1		
3	RC5	13	892	18	140	3	50	14		
TOTAL		16	1.114	22	181	4	65	17		
WEIGHT KG			1.114		181		65			

GRAND TOAL: 1360 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

MÂU MẠNH MINH
 ĐẶNG NGỌC MẠNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO: VSP02 - P4	CREW: VTHẮNG - N.ANH - VŨ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3372	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	35	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU TRI	VSP02						72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	38	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	LŨ SƠN	VSP02	33	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH ANH BAO	VSP02	42	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG HOANG ĐẠT	VSP02	47	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	31	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	26	1	9			86	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUY BÌNH	VSP02	40-41	2	12			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	36	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THAI SƠN	VSP02	45	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	HA MẠNH THẮNG	VSP02	43	1	4			54	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	44	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	32	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	48	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỮU HÀ	VSP02	29	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI PHÚC LINH	VSP02	37	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	VSP02	30	1	13			67	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ HOANG VŨ	VSP02	27-28	2	14			68	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐÌNH	VSP02	34	1	10			75	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	VSP02	46	1	11			69	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	21	1.486	22	153	0	0	10		
2	P4	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	1.486	22	153	0	0	22		
WEIGHT KG			1.486		153		0			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
B.CARD: VANG-3	TO: CLO - RPI - SAVR	CREW: ĐTRUNG - VƯƠNG	ETA: 13:20
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3358	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	CLO	98	1	15			76	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	97	1	14			67	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RPI	66	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HUY	RPI	64	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN DỤ	RPI	59	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
6	VÕ VĂN ĐÔNG	RPI	60	1	6	2	18	70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍ CÔNG	RPI	67	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RPI	62-63	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN TU	RPI	68-69	2	12			86	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HÙNG	RPI	61	1	9			68	PSV	Vietnamese
11	LÊ DUY HAI	RPI	65	1	3			73	PSV	Vietnamese
12	BUI ANH TU	SAVR	09	1	12			70	KHOAN	Vietnamese
13	GUKOV IVAN	SAVR	17-18	2	15			96	AMNGR	Russian
14	PHẠM NGỌC HUY	SAVR	13	1	7			71	BALAT	Vietnamese
15	THAI VAN THINH	SAVR	14	1	6	3	35	60	BALAT	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÙNG	SAVR	21	1	5	6	41	76	MINH MINH	Vietnamese
17	KAMPOL SUPPAKHUN	SAVR	15	1	7	1	15	73	BAKER HU	Thailand

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	2	143	2	29	0	0	0		
2	RPI	9	650	11	67	2	18	9		
3	SAVR	6	446	7	52	10	91	10		
TOTAL		17	1.239	20	148	12	109	19		
WEIGHT KG			1.239		148		109			

GRAND TOAL: 1.496 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

TRẦN HÙNG VƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
B.CARD: TRANG-4	TO:RCDM - RC8 - RP3	CREW: VTHẮNG - N.ANH - VŨ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 08	VNHS FLIGHT: TM25/3368		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	HOANG QUỐC VĂN	RCDM	09-10	2	20			59	SGC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN THANH	RCDM	07-08	2	11	2	28	77	SGC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH HÙNG	RCDM	06	1	7			70	YTE	Vietnamese
4	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	05	1	5			74	PSV	Vietnamese
5	HUYNH MINH SANG	RC8	27	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TỬ	RC8	23	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN MINH	RC8	30-31	2	13	1	20	59	CODIEN	Vietnamese
8	HOANG CAO MINH	RC8	28-29	2	15			67	CODIEN	Vietnamese
9	TÔ CÔNG TẠNH	RC8	26	1	3			64	PSV	Vietnamese
10	LÊ QUÝ TOÀN	RC8	24-25	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	47-48	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	42	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SỸ CÔNG	RP3	25,39	2	15			60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH QUANG THANH	RP3	51-52	2	15			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NAM TRUNG	RP3	24	1	11			58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	43	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	49	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	40-41	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	50	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	RP3	44	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯƠNG MINH KHUÊ	RP3	45-46	2	17			60	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	4	280	6	43	2	28	2		
2	RC8	6	411	9	57	1	20	4		
3	RP3	11	743	16	110	0	0	15		
TOTAL		21	1.434	31	210	3	48	21		
WEIGHT KG			1.434		210		48			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH